

THÔNG TƯ

**Quy định phương pháp lập khung giá phát điện của nhà máy điện
chất thải rắn và nhà máy điện sinh khối**

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định phương pháp lập khung giá phát điện của nhà máy điện chất thải rắn và nhà máy điện sinh khối.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt khung giá phát điện của nhà máy điện chất thải rắn và nhà máy điện sinh khối.

2. Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

a) Nhà máy điện chất thải rắn, nhà máy điện sinh khối.

Thông tư này áp dụng sau khi nội dung về giá điện tại Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam, Quyết định số 08/2020/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg và Quyết định số 31/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án phát điện sử dụng chất thải rắn tại Việt Nam được bãi bỏ;

b) Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Dm *dm*

01 01



3 19

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Nhà máy điện chuẩn là nhà máy điện chất thải hoặc nhà máy điện sinh khối đã được lựa chọn nhà đầu tư trên cơ sở thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, có quy mô công suất phổ biến, đại diện cho loại hình nhà máy điện chất thải rắn và nhà máy điện sinh khối, được sử dụng để tính toán khung giá phát điện.

Chương II

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH KHUNG GIÁ PHÁT ĐIỆN NHÀ MÁY ĐIỆN CHẤT THẢI RẮN VÀ NHÀ MÁY ĐIỆN SINH KHỐI

Điều 3. Nguyên tắc lập khung giá phát điện

Khung giá phát điện của nhà máy điện chất thải rắn, nhà máy điện sinh khối là dải giá trị từ 0 (đồng/kWh) đến mức giá của nhà máy điện chuẩn. Mức giá của nhà máy điện chuẩn được xác định theo phương pháp quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Thông tư này.

Điều 4. Phương pháp xác định giá phát điện của nhà máy điện chuẩn

Giá phát điện P_c (đồng/kWh) của nhà máy điện chuẩn được xác định theo công thức sau:

$$P_c = FC + FOMC + VC$$

Trong đó:

- FC: Giá cố định bình quân của nhà máy điện chuẩn được xác định theo quy định tại Điều 5 Thông tư này (đồng/kWh).
- FOMC: Giá vận hành và bảo dưỡng cố định năm cơ sở của nhà máy điện chuẩn được xác định theo quy định tại Điều 6 Thông tư này (đồng/kWh).
- VC: Giá biến đổi của nhà máy điện được xác định theo phương pháp quy định tại Điều 7 Thông tư này (đồng/kWh).

Điều 5. Phương pháp xác định giá cố định bình quân của nhà máy điện chuẩn

1. Giá cố định bình quân FC (đồng/kWh) của nhà máy điện chuẩn là thành phần để thu hồi chi phí đầu tư, được xác định theo công thức sau:

$$FC = \frac{TC}{E_{bq}}$$

Trong đó:

- TC: Chi phí vốn đầu tư xây dựng nhà máy điện chuẩn (chưa bao

gồm thuế giá trị gia tăng) được quy đổi đều hằng năm được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này (đồng);

E_{bg} : Điện năng giao nhận bình quân nhiều năm của nhà máy điện chuẩn được xác định theo quy định tại khoản 5 Điều này (kWh).

2. Chi phí vốn đầu tư của nhà máy điện chuẩn được quy đổi đều hằng năm TC theo công thức sau:

$$TC = (SĐT \times P_t) \times \frac{(1+i)^n \times i}{(1+i)^n - 1}$$

Trong đó:

SĐT: Suất đầu tư của nhà máy điện được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều này (đồng/kW);

P_t : Công suất tính của nhà máy điện (kW);

n : Đời sống kinh tế của nhà máy điện được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (năm);

i : Tỷ suất chiết khấu tài chính của nhà máy điện được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều này (%).

3. Suất đầu tư là chi phí đầu tư cho 01 kW công suất tính của nhà máy điện chuẩn được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư có hiệu lực (chỉ bao gồm các hạng mục phục vụ sản xuất điện) hoặc số liệu thực tế đàm phán hợp đồng mua bán điện (nếu có), cập nhật tỷ giá ngoại tệ tại thời điểm tính toán khung giá phát điện, tham khảo số liệu của các tổ chức tư vấn (nếu cần thiết).

4. Tỷ suất chiết khấu tài chính i (%) áp dụng chi phí sử dụng vốn bình quân gia quyền danh định trước thuế nhà máy điện chuẩn được xác định theo công thức sau:

$$i = \frac{(D \times r_d + E \times r_e) \times n_D + r_e \times (n - n_D)}{n}$$

Trong đó:

D : Tỷ lệ vốn vay trong tổng mức đầu tư được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (%);

E : Tỷ lệ vốn góp chủ sở hữu trong tổng mức đầu tư được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (%);

n : Đời sống kinh tế của nhà máy điện quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (năm);

n_D : Thời gian trả nợ vay bình quân được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (năm);

r_d : Lãi suất vốn vay được xác định theo quy định tại điểm a khoản này

Am dg

(%);

r_e : Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên phần vốn góp chủ sở hữu được xác định theo quy định tại điểm b khoản này (%).

a) Lãi suất vốn vay r_d (%) được tính bằng lãi suất bình quân gia quyền các nguồn vốn vay nội tệ và ngoại tệ, được xác định theo công thức sau:

$$r_d = D_F \times r_{d,F} + D_D \times r_{d,D}$$

Trong đó:

D_F : Tỷ lệ vốn vay ngoại tệ trong tổng vốn vay được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (%);

D_D : Tỷ lệ vốn vay nội tệ trong tổng vốn vay được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (%);

$r_{d,F}$: Lãi suất vốn vay ngoại tệ được xác định bằng lãi suất bình quân SOFR (Secured Overnight Financing Rate) kỳ hạn bình quân 180 ngày (180 Days - Average) của 36 tháng liền kề tính từ thời điểm tháng 3, tháng 6, tháng 9 hoặc tháng 12 gần nhất của năm đàm phán được công bố bởi Fed (Website: www.newyorkfed.org) cộng với tỷ lệ bình quân năm các khoản phí thu xếp khoản vay của ngân hàng là 3%/năm;

$r_{d,D}$: Lãi suất vốn vay nội tệ được xác định bằng trung bình của lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả sau dành cho khách hàng cá nhân của ngày đầu tiên của 60 tháng trước liền kề tính từ thời điểm tháng 3, tháng 6, tháng 9 hoặc tháng 12 gần nhất của năm xây dựng khung giá của của bốn ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam hoặc đơn vị kế thừa hợp pháp của các ngân hàng này) cộng với tỷ lệ bình quân năm dịch vụ phí của các ngân hàng là 3%/năm.

b) Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên phần vốn góp chủ sở hữu r_e (%) được xác định theo công thức sau:

$$r_e = \frac{r_{e,pt}}{(1-t)}$$

Trong đó:

$r_{e,pt}$: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên phần vốn góp chủ sở hữu (%), được xác định là 12%;

t : Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bình quân trong đời sống kinh tế của nhà máy điện chất thải rắn, nhà máy điện sinh khối được

As dy

xác định theo quy định hiện hành của Nhà nước (%) trên cơ sở đảm bảo dự án điện được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.

5. Điện năng giao nhận bình quân năm E_{bq} (kWh) của nhà máy điện chuẩn được xác định theo công thức sau:

$$E_{bq} = P_t \times T_{max}$$

Trong đó:

P_t : Công suất tinh của nhà máy điện chuẩn được xác định tại điểm giao nhận với bên mua (đã trừ tỷ lệ điện tự dùng và tổn thất máy biến áp nâng áp của nhà máy điện) và có tính với tỷ lệ suy giảm công suất được tính bình quân cho toàn bộ đời sống kinh tế của nhà máy điện chuẩn theo thiết kế được duyệt hoặc tham khảo số liệu, tài liệu của các tổ chức tư vấn;

T_{max} : Số giờ vận hành công suất cực đại của nhà máy điện chuẩn được xác định trên cơ sở thiết kế cơ sở được duyệt của nhà máy điện chuẩn hoặc tham khảo số liệu, tài liệu của các tổ chức tư vấn.

Trường hợp không xác định được theo công thức trên, E_{bq} được xác định theo thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật (nếu có) có hiệu lực tại thời điểm tính toán khung giá.

Điều 6. Phương pháp xác định giá biến đổi của nhà máy điện chuẩn

Giá biến đổi của nhà máy điện chuẩn cho năm áp dụng khung giá (VC) là thành phần để thu hồi chi phí nhiên liệu, các chi phí biến đổi khác của nhà máy điện với số giờ vận hành công suất cực đại, được xác định theo công thức sau:

$$VC = HR \times P_{nlc}$$

Trong đó:

VC : Giá biến đổi của nhà máy điện (đồng/kWh);

HR : Suất tiêu hao nhiên liệu tinh của nhà máy điện chuẩn được tính toán ở mức tải quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này (kg/kWh hoặc kJ/kWh hoặc kCal/kWh);

P_{nlc} : Giá nhiên liệu chính của nhà máy điện (đồng/kg)

Giá nhiên liệu chính được tính sau loại trừ chi phí trợ giá từ việc thu gom, vận chuyển và xử lý nhiên liệu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có).

Điều 7. Phương pháp xác định giá vận hành và bảo dưỡng cố định của nhà máy điện chuẩn

1. Giá vận hành và bảo dưỡng cố định FOMC (đồng/kWh) của nhà máy điện chuẩn là thành phần để thu hồi chi phí sửa chữa lớn, nhân công và các chi phí khác hằng năm, được xác định theo công thức sau:

$$FOMC = \frac{TC_{FOMC}}{E_{bq}}$$

Trong đó:

- TC_{FOMC} : Tổng chi phí vận hành và bảo dưỡng cố định của nhà máy điện được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này (đồng);
- E_{bq} : Điện năng giao nhận bình quân nhiều năm của nhà máy điện được xác định theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư này (kWh).

2. Tổng chi phí vận hành và bảo dưỡng cố định TC_{FOMC} (đồng) của nhà máy điện chuẩn được xác định theo công thức sau:

$$TC_{FOMC} = SĐT \times P_t \times k_{O\&M}$$

Trong đó:

- SĐT: Suất đầu tư của nhà máy điện được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này (đồng/kW).
- P_t : Công suất tinh của nhà máy điện chuẩn (kW).
- $k_{O\&M}$: Tỷ lệ chi phí vận hành và bảo dưỡng cố định trong suất đầu tư của nhà máy điện được xác định trên cơ sở tham khảo số liệu của các tổ chức tư vấn hoặc số liệu vận hành thực tế từ các dự án tương tự đã thực hiện (%).

Chương III

TRÌNH TỰ LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT KHUNG GIÁ PHÁT ĐIỆN

Điều 8. Lập, thẩm định và phê duyệt khung giá phát điện

1. Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm:

a) Đề xuất lựa chọn nhà máy điện chuẩn để tính toán khung giá phát điện của nhà máy điện chất thải rắn, nhà máy điện đồng phát nhiệt - điện và nhà máy điện sinh khối không phải là đồng phát nhiệt - điện (nếu có);

b) Tính toán hoặc có thể thuê tư vấn lựa chọn bộ thông số và tính toán giá phát điện của nhà máy điện chuẩn theo quy định tại Chương II Thông tư này.

c) Lập hồ sơ tính toán khung giá phát điện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này, trình Cục Điều tiết điện lực thẩm định.

d) Trường hợp các thông số tính toán khung giá biến động cần thiết phải tính toán lại khung giá phát điện, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm

tính toán lại báo cáo Cục Điều tiết điện lực thẩm định trình Bộ Công Thương ban hành.

2. Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ trình duyệt. Trường hợp cần thiết, Cục Điều tiết điện lực có văn bản yêu cầu Tập đoàn Điện lực Việt Nam sửa đổi, bổ sung hoặc giải trình làm rõ các nội dung trong hồ sơ. Chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc giải trình làm rõ các nội dung trong hồ sơ của Cục Điều tiết điện lực, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm gửi văn bản báo cáo giải trình về nội dung trong hồ sơ theo yêu cầu.

3. Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm tổ chức thẩm định khung giá phát điện, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt khung giá phát điện và công bố trên trang thông tin điện tử của Cục Điều tiết điện lực.

Điều 9. Hồ sơ đề nghị phê duyệt khung giá phát điện

Hồ sơ đề nghị phê duyệt khung giá phát điện bao gồm:

1. Tờ trình đề nghị thẩm định và phê duyệt khung giá phát điện.
2. Bảng thông số và các tài liệu tính toán giá phát điện cho các nhà máy điện chuẩn theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.
3. Các tài liệu liên quan đến các thông số tính toán giá phát điện.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm thẩm định và trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt khung giá phát điện.
2. Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm lập hồ sơ tính toán khung giá phát điện theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Thông tư này.

Điều 11. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư số 57/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện như sau:

“a) Đơn vị phát điện sở hữu nhà máy điện đấu nối với hệ thống điện quốc gia có tổng công suất lắp đặt trên 30 MW, các nhà máy điện có công suất lắp đặt từ 30 MW trở xuống tự nguyện tham gia thị trường điện, trừ các nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu, các nhà máy điện chạy dầu, các nhà máy điện độc lập được đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT), các nhà máy điện sử dụng năng lượng tái tạo (gió, mặt trời, địa nhiệt, thủy triều, chất thải rắn và sinh khối) và các nhà máy điện có cơ chế riêng do Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định.”

on dg

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày **26** tháng **11** năm 2024.
2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phản ánh về Bộ Công Thương để bổ sung, sửa đổi cho phù hợp. *om dg*

Nơi nhận: *MA*

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Tổng công ty Điện lực;
- Công báo;
- Website Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, ĐTĐL.



Trương Thanh Hoài

41

48



Phụ lục
CÁC THÔNG SỐ ĐƯỢC SỬ DỤNG TÍNH TOÁN KHUNG GIÁ PHÁT ĐIỆN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 2.0/2024/TT-BCT
ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Hạng mục	Ký hiệu	Thông số
I	Đời sống kinh tế	n	20 năm
II	Tỷ lệ các nguồn vốn trong tổng vốn đầu tư của nhà máy điện chuẩn (%)		
1	Tỷ lệ vốn vay	D	70 %
2	Tỷ lệ vốn góp chủ sở hữu	E	30 %
3	Tỷ lệ vốn vay ngoại tệ	D _F	80 %
4	Tỷ lệ vốn vay nội tệ	D _D	20 %
III	Thời gian trả nợ bình quân (năm)	n _D	10 năm
IV	Mức tải của nhà máy điện chuẩn		85%

 